

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 343/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 9 – 2022

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Ông Trần Hoàng Nghiệp

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Mỹ X, sinh năm: 2001 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 19/5, xã KB, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Nh, sinh năm: 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp RB, xã KB, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 14/3/2022, chị Trương Mỹ X trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh Nh xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị X cho rằng giữa chị và anh Nh luôn bất đồng quan điểm, thường X cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên chị và anh Nh đã sống ly thân với

nhau hơn 01 năm nay. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nh.

- Về con chung: Chị X xác định giữa chị và anh Nh có 01 người con chung là Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 31/3/2020, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị X xác định không có.

- Về nợ chung: Chị X khai rằng giữa chị và anh Nh không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với anh Nguyễn Minh Nh vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị X và anh Nh là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh Nh: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án, do anh trực tiếp nhận và thông qua cha, mẹ ruột của anh là ông Nguyễn Văn Th và bà Lâm Thị Ng nhận thay các văn bản tố tụng và có cam kết giao lại nhưng anh Nh vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nh theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị X, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị X theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Mỹ X và anh Nguyễn Minh Nh xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2019 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường X cãi nhau, dẫn đến tình cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị X và anh Nh tự sống ly thân hơn 01 năm để anh, chị tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình

trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị X cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh Nh, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị X được ly hôn anh Nh là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 31/3/2020 dưới 36 tháng tuổi và hiện do chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu Ph cho chị X nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị X không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị X xác định không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị X khai rằng giữa chị và anh Nh không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Mỹ X về việc ly hôn anh Nguyễn Minh Nh.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh Ph, sinh ngày 31/3/2020 cho chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị X xác định không có.

4. Về nợ chung: Chị X xác định không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị X phải chịu 300.000đ. Ngày 14 tháng 6 năm 2022, chị X đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 4965 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị X và anh Nh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã KB, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải